

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 20/3/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hà.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị B là chị Phạm Nguyễn Tường V, sinh năm 1992 (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2024, có mặt).

Địa chỉ: 67/31F P, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Thành K, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị B và bà B do chị Phạm Nguyễn Tường V đại diện trình bày: Bà B là chủ thảo, bà T là hụi viên đã tham gia 09 dây hụi tháng, một tháng

khui một lần và 02 dây hui mùa, ba tháng khai một lần, mở vào các ngày cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hui 5.000.000đ mở ngày 04/10/2021 âm lịch, mãn hui ngày 04/02/2023 âm lịch (nhuận), có 18 phần, bà T tham gia 02 phần. Phần hui thứ nhất đã hốt hui lần khai hui thứ nhất số tiền 60.800.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 58.300.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 1 lần hui là 5.000.000đ. Phần hui thứ hai đã hốt hui lần khai hui thứ 2 số tiền 65.000.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 62.500.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 1 lần hui là 5.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hui chết của hai phần hui là 10.000.000đ, tiền lãi 1.411.000đ, tổng cộng là 11.411.000đ.

Dây thứ 2: Hui 2.000.000đ mở ngày 06/01/2022 âm lịch, mãn hui ngày 06/05/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hui lần khai hui thứ 11 số tiền 26.350.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 1.000.000đ nên nhận số tiền 25.350.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 3 lần hui là 6.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hui chết là 6.000.000đ, tiền lãi 697.200đ, tổng cộng là 6.697.200đ.

Dây thứ 3: Hui 2.000.000đ mở ngày 09/10/2021 âm lịch, mãn hui ngày 09/02/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hui lần khai hui thứ 5 số tiền 29.840.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 1.000.000đ nên nhận số tiền 28.840.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 1 lần hui là 2.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hui chết là 2.000.000đ, tiền lãi 282.200đ, tổng cộng là 2.282.200đ.

Dây thứ 4: Hui 5.000.000đ mở ngày 09/01/2022 âm lịch, mãn hui ngày 09/05/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hui lần khai hui thứ 3 số tiền 70.000.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 67.500.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 3 lần hui là 15.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hui chết là 15.000.000đ, tiền lãi 1.743.000đ, tổng cộng là 16.743.000đ.

Dây thứ 5: Hui 5.000.000đ mở ngày 06/05/2022 âm lịch, mãn hui ngày 06/09/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hui lần khai hui thứ 2 số tiền 65.800.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 63.300.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 7 lần hui là 35.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hui chết là 35.000.000đ, tiền lãi 3.320.000đ, tổng cộng là 38.320.000đ.

Dây thứ 6: Hui 2.000.000đ mở ngày 12/12/2021 âm lịch, mãn hui ngày 12/04/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hui lần khai hui thứ 3 số tiền 28.000.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 1.000.000đ nên nhận số tiền 27.000.000đ, đã đóng tiền hui chết còn nợ lại 2 lần hui là 4.000.000đ. Bà B

yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 4.000.000đ, tiền lãi 498.00đ, tổng cộng là 4.498.000đ.

Dây thứ 7: Hội 5.000.000đ mở ngày 12/03/2022 âl, mãn hội ngày 12/07/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ 2 số tiền 69.000.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 66.500.000đ, đã đóng tiền hội chết còn nợ lại 5 lần hội là 25.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 25.000.000đ, tiền lãi 2.614.500đ, tổng cộng là 27.614.500đ.

Dây thứ 8: Hội 5.000.000đ mở ngày 15/04/2022 âl, mãn hội ngày 15/08/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ 2 số tiền 67.400.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 64.900.000đ, đã đóng tiền hội chết còn nợ lại 6 lần hội là 30.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 30.000.000đ, tiền lãi 2.988.000đ, tổng cộng là 32.988.000đ.

Dây thứ 9: Hội 2.000.000đ mở ngày 15/4/2022 âl, mãn hội ngày 15/08/2023 âm lịch, có 18 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ 7 số tiền 28.680.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 1.000.000đ nên nhận số tiền 27.680.000đ, đã đóng tiền hội chết còn nợ lại 6 lần hội là 12.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 12.000.000đ, tiền lãi 1.195.200đ, tổng cộng là 13.195.200đ.

Dây thứ 10: Hội mùa 5.000.000đ mở ngày 19/06/2022 âl, mãn hội ngày 19/05/2025 âm lịch, có 13 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ 6 số tiền 48.100.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 45.600.000đ, đã đóng tiền hội chết còn nợ lại 7 lần hội là 35.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 35.000.000đ, còn thiếu hai lần hội sống là 6.650.000đ và tiền lãi 498.000đ, tổng cộng là 42.148.000đ.

Dây thứ 11: Hội mùa 5.000.000đ mở ngày 06/10/2021 âl, mãn hội ngày 06/09/2024 âm lịch, có 13 phần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt hội lần khai hội thứ 2 số tiền 40.750.000đ trừ huê hồng cho chủ thảo 2.500.000đ nên nhận số tiền 38.250.000đ, đã đóng tiền hội chết còn nợ lại 6 lần hội là 30.000.000đ. Bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 30.000.000đ và tiền lãi 1.120.500đ, tổng cộng là 31.120.500đ.

Tổng cộng số tiền bà B yêu cầu bà T và ông K trả là tiền hội vốn 210.650.000đ, tiền lãi hội là 16.367.600đ, tiền vay 100.000.000đ, tiền lãi của tiền vay 11.400.000đ, tiền nợ hội cũ 11.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B do chị Vy đại diện thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T và ông K trả cho bà B số tiền hội chết 11 dây hội là 210.650.000đ; tiền vay 100.000.000đ, tiền lãi của 100.000.000đ là 5.000.000đ và tiền nợ hội cũ 11.000.000đ, tổng cộng là 326.650.000đ.

Tại bảng khai ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia 09 dây hụi tháng, một tháng khui một lần và 02 dây hụi mùa, ba tháng khui một lần như lời trình bày của bà B. Nay bà T đồng ý trả cho bà B số tiền hụi vốn 210.650.000đ, tiền vay 100.000.000đ, tiền lãi của tiền vay là 5.000.000đ, tiền nợ hụi cũ 11.000.000đ, tổng cộng là 326.650.000đ. Ông Mai Thành K là chồng bà T có biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án do bà B khởi kiện, ông K cũng thống nhất có trách nhiệm cùng bà T trả tiền cho bà B nhưng ông K không đồng ý đến Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Thành K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V đại diện cho bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T và ông K trả cho bà B số tiền nợ hụi và tiền nợ vay, tiền lãi của nợ vay tổng cộng là 326.650.000đ. Bà T đồng ý trả cho bà B số tiền nợ hụi và tiền nợ vay, tiền lãi của nợ vay tổng cộng là 326.650.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Thành K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Từ năm 2021 đến năm 2023 giữa bà B và bà T có thỏa thuận chơi hụi với nhau, hụi có lãi suất và có huê hồng, khi chơi hụi có lập sổ hụi, các lần bà T hốt hụi có ký tên nhận tiền hụi, bà T có đóng hụi chết, khi không còn khả năng đóng hụi chết thì bà B và bà T có kết hụi lại với nhau, bà T đã thừa nhận còn nợ bà B số tiền hụi chết 11 dây hụi là 210.650.000đ, tiền nợ hụi cũ 11.000.000đ, tiền vay 100.000.000đ, tiền lãi của 100.000.000đ là 5.000.000đ, tổng cộng là 326.650.000đ. Nay bà T đồng ý trả bà B số tiền 326.650.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Ông K không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B là ông K đã từ bỏ quyền lợi của ông. Ông K không trực tiếp tham gia chơi hụi, theo bà T trình bày thì ông K biết bà T chơi hụi do bà B làm chủ thảo, bà T chơi hụi là

để buôn bán lo kinh tế gia đình. Tại thời điểm bà T chơi hội thì ông K là chồng bà T, cùng làm ăn sinh sống với bà T nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông K có trách nhiệm cùng bà T trả bà B số tiền 326.650.000đ là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm nên xét miễn án phí sơ thẩm cho bà T. Ông K thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên ông K phải nộp án phí sơ thẩm là: $326.650.000đ \times 5\% = 16.332.500đ/2 = 8.166.250đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Mai Thành K có trách nhiệm trả bà Ngô Thị B số tiền nợ trong hợp đồng góp hội là 221.650.000đ (hai trăm hai mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng), tiền nợ vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi của nợ vay là 5.000.000đ (năm triệu đồng), tổng cộng là 326.650.000đ (ba trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng T được miễn nộp án phí sơ thẩm.
- Ông Mai Thành K phải nộp án phí sơ thẩm là 8.166.250đ (tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).
- Bà Ngô Thị B thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Ngọc Dung